

Số: /TTr-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## TỜ TRÌNH

**Ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 (Chương trình MTQG), căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

#### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

**1.1.** Tại Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới của Ban Bí thư đã chỉ đạo: Mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn vay phù hợp với mục tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, điều kiện phát triển, đặc điểm của từng vùng, miền, chu kỳ sản xuất, kinh doanh;... Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác. Mức ưu đãi được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.

**1.2.** Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 quy định: Vốn tín dụng chính sách (ngân sách nhà nước cấp): Khoảng 23.000 tỷ đồng. Trong quá trình điều hành, Chính phủ ưu tiên cân đối ngân sách trung ương bổ sung cho Chương trình, bao gồm vốn tín dụng chính sách xã hội để có đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao... Ưu tiên bố trí vốn tín dụng chính sách xã hội từ ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện tín dụng chính sách xã hội, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chương trình

**1.3.** Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: Chính phủ ban hành nghị định để quy định: Các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế,

*dân tộc, tôn giáo, ... và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ (điểm b khoản 1 Điều 14).*

1.4. Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội giao NHNN: *Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

Từ các căn cứ nêu trên, việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là cần thiết, có đầy đủ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Trong những năm qua, công tác dân tộc, chính sách dân tộc luôn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn hệ thống chính trị. Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW cùng với các Chương trình mục tiêu quốc gia được ban hành qua các giai đoạn, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đã được Chính phủ giao thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số được thụ hưởng các chính sách tín dụng chung đang triển khai tại NHCSXH (như: cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn, học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở...) và các chính sách tín dụng đặc thù dành riêng cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số/vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai qua các giai đoạn, cụ thể:

**(1)** Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số được thụ hưởng các chương trình tín dụng đặc thù, dành riêng cho hộ đồng bào DTTS như: Chương trình cho vay phát triển sản xuất đối với hộ DTTS đặc biệt khó khăn; Chương trình cho vay hộ DTTS nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; Chương trình cho vay hộ DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020.

**(2)** Giai đoạn từ năm 2022-2025: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số được thụ hưởng 06 chính sách tín dụng ưu đãi: (i) Cho vay hỗ trợ đất ở; (ii) Cho vay hỗ trợ nhà ở<sup>1</sup>; (iii) Cho vay hỗ trợ đất sản xuất; (iv) Cho vay chuyển đổi nghề<sup>2</sup>; (v)

<sup>1</sup> Hộ nghèo dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được vay vốn tại NHCSXH tối đa 50

Cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý<sup>3</sup>; (vi) Cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị<sup>4</sup> theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Kết quả triển khai các chính sách tín dụng ưu đãi cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã đạt được những kết quả như sau:

- Đối với việc triển khai các chính sách tín dụng ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Đến ngày 31/12/2025, doanh số giải ngân đạt khoảng 2,9 nghìn tỷ đồng cho trên 58 nghìn khách hàng vay vốn tại các tỉnh có vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Cụ thể: (i) Giai đoạn 2022-2023, NHCSXH giải ngân số tiền 2.331 tỷ đồng; (ii) Giai đoạn 2024-2025: Doanh số giải ngân đạt 563 tỷ đồng. Trong đó, doanh số giải ngân tập trung vào chính sách cho vay hỗ trợ nhà ở đạt trên 1.700 tỷ đồng; cho vay hỗ trợ chuyển đổi nghề đạt gần 1.060 tỷ đồng, cho vay hỗ trợ đất sản xuất đạt gần 120 tỷ đồng, cho vay hỗ trợ đất ở đạt khoảng 31 tỷ đồng, cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đạt trên 5,2 tỷ đồng.

Dư nợ cho vay Chương trình đến ngày 31/12/2025 đạt gần 2.819 tỷ đồng với hơn 59 nghìn khách hàng còn dư nợ.

- Đối với việc triển khai các chính sách tín dụng chung trong đó có đối tượng thụ hưởng là hộ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Dư nợ cho vay tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 141.840 tỷ đồng, chiếm 34,3% trên tổng dư nợ tại NHCSXH, với gần 2,5 triệu khách hàng còn dư nợ. Dư nợ đối tượng vay vốn là hộ dân tộc thiểu số đạt 102.547 tỷ đồng, với hơn 1,5 triệu hộ còn dư nợ, chiếm 24,8%/tổng dư nợ; dư nợ bình quân 01 hộ dân tộc thiểu số đạt 66,4 triệu đồng (dư nợ bình quân chung toàn quốc là 61,4 triệu đồng/khách hàng).

Việc triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách nhà nước thời gian qua đã tạo điều kiện cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc đối tượng chính

---

triệu đồng/hộ để trang trải chi phí để có đất ở, tối đa 40 triệu đồng/hộ để xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở. Lãi suất vay vốn là 3%/năm, khách hàng được vay vốn tối đa trong 15 năm và chưa phải trả nợ gốc trong 5 năm đầu.

<sup>2</sup> Hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được vay vốn NHCSXH tối đa 77,5 triệu đồng/hộ trong vòng tối đa 10 năm với lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ, để sử dụng vào việc trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất hoặc chi phí học nghề, chuyển đổi nghề.

<sup>3</sup> Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số, tham gia vào Dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý, Dự án trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được vay vốn tại NHCSXH tối đa 45% tổng mức đầu tư dự án và không vượt quá 96 tỷ đồng đối với Dự án vùng trồng dược liệu quý, không vượt quá 92 tỷ đồng đối với Dự án trung tâm nhân giống. Lãi suất vay vốn là 3,96%/năm, thời gian vay tối đa là 10 năm.

<sup>4</sup> Hộ nghèo, hộ cận nghèo, doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền phê duyệt được vay vốn tại NHCSXH để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị. Mức cho vay, thời hạn cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia chuỗi giá trị áp dụng theo quy định hiện hành về chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, tuy nhiên, lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo tương ứng. Mức cho vay đối với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị tối đa là 02 tỷ đồng/khách hàng, Thời hạn cho vay tối đa là 5 năm.

sách được vay vốn theo các chương trình này để phục vụ sản xuất, kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội.

Tại Báo cáo số 901/BC-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ tổng kết Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025, theo đó đã tổng kết 9 nhóm mục tiêu đặt ra còn 3 nhóm mục tiêu chưa đạt, trong đó có các mục tiêu về giải quyết đất ở (đạt 45,5%), hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất (đạt 14,2%), hỗ trợ chuyển đổi nghề (đạt 38,3%), đào tạo nghề (đạt 12,9%). Các mục tiêu này đều thuộc các chính sách tín dụng đang triển khai cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, cần tiếp tục triển khai giai đoạn tới để hỗ trợ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số về đất ở, nhà ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề. Ngoài ra, trong số các mục tiêu chưa đạt kế hoạch còn có mục tiêu tỷ lệ xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (35,8%), tỷ lệ thôn, bản ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (26,9%), do vậy cần nghiên cứu đề xuất chính sách cho hộ gia đình, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN được vay vốn để thực hiện sản xuất, kinh doanh, góp phần thực hiện các mục tiêu nêu trên và phát triển kinh tế - xã hội của vùng DTTS&MN.

Như vậy, từ thực tiễn triển khai các chính sách tín dụng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số thời gian qua, việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ để tiếp tục triển khai chính sách tín dụng ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP (chính sách tín dụng hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề) và bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, là cần thiết để giải quyết những vấn đề cấp bách trong thực tiễn, nguyện vọng chính đáng của đồng bào, hoàn thành các mục tiêu của Chương trình MTQG.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích ban hành:** Hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi tại NHCSXH để tiếp tục triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn tới (2026-2035).

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

**2.1.** Các nội dung tại Nghị định phải đảm bảo phù hợp với các mục tiêu đề ra của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ về công tác dân tộc, chính sách dân tộc: Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035.

**2.2.** Các nội dung về chính sách tín dụng tại Nghị định phải đảm bảo các nguyên tắc: **(i)** Phù hợp với quy định hiện hành về tổ chức, hoạt động của NHCSXH quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định số 06/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH, Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người

nghèo và các đối tượng chính sách khác; **(ii)** Phù hợp với nội dung tại Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 (theo Tờ trình số 1081/TTr-CP ngày 24/11/2025 của Chính phủ trình Quốc hội) và **(iii)** Không chồng chéo với các chương trình tín dụng chính sách đang triển khai tại NHCSXH.

### III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

NHNN xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 1/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ). Cụ thể:

#### 1. Đăng ký xây dựng Nghị định

Khoản 1, Điều 26 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) quy định “*Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc ban hành nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì không phải thực hiện việc đăng ký*”.

Tại Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ giao NHNN: *Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN*, thời gian thực hiện: trong năm 2026.

Do đó, việc xây dựng Nghị định thuộc trường hợp không phải đăng ký theo Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

#### 2. Soạn thảo Nghị định

2.1. Ngày ....., NHNN đã ban hành Quyết định số ...../QĐ-NHNN thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định với sự tham gia của các Bộ, ngành liên quan và NHCSXH.

2.2. NHNN đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025).

2.3. Ngày ....., NHNN đã có Văn bản số ...../NHNN-TD gửi các cơ quan lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định (bao gồm: Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc Phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc, 04 tổ chức chính trị - xã hội, 34 UBND các tỉnh, thành phố, Ngân hàng Chính sách xã hội), đồng thời thực hiện đăng tải Hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của NHNN.

2.4. Trên cơ sở tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định, đăng tải bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan trên Cổng thông tin điện tử của NHNN.

3. Ngày ....., NHNN có Công văn ...../NHNN-TD gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định.

4. Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số ..... ngày ...../2026 gửi NHNN.

5. Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, NHNN đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định và trình Chính phủ.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)**

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị định quy định về chính sách tín dụng ưu đãi tại NHCSXH để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối tượng áp dụng: (i) Khách hàng vay vốn theo quy định tại Nghị định; (ii) NHCSXH; (iii) Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

##### **2. Bố cục dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định gồm 8 Chương, 44 Điều, bao gồm:

Chương I (Điều 1 đến Điều 7): gồm các quy định chung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, địa bàn thực hiện, nguyên tắc cho vay, phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro, bảo đảm tiền vay, nguồn vốn cho vay.

Chương II (Điều 8 đến Điều 13): quy định chính sách cho vay hỗ trợ đất ở.

Chương III (Điều 14 đến Điều 19): quy định về chính sách cho vay hỗ trợ nhà ở.

Chương IV (Điều 20 đến Điều 25): quy định về chính sách cho vay hỗ trợ đất sản xuất.

Chương V (Điều 26 đến Điều 31): quy định về chính sách cho vay chuyển đổi nghề.

Chương VI (Điều 32 đến Điều 37): quy định về chính sách cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh

Chương VII (Điều 38 đến Điều 41): quy định về trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Chương VIII (Điều 42 đến Điều 44): quy định về điều khoản thi hành.

##### **3. Nội dung cơ bản**

Dự thảo Nghị định quy định các nội dung cơ bản như sau:

##### **3.1. Các quy định chung về chính sách tín dụng tại dự thảo**

- Địa bàn thực hiện: Thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật.

- Nguyên tắc cho vay: (i) NHCSXH cho vay đúng đối tượng, đảm bảo công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát trong việc cho vay vốn. (ii) Khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi cho NHCSXH. (iii) Khách hàng đủ điều kiện vay vốn của nhiều chương trình tín dụng có cùng mục đích sử dụng vốn vay tại NHCSXH thì được lựa chọn áp dụng chính sách vay vốn có mức ưu đãi cao nhất.

- Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro: được thực hiện theo quy định hiện

hành của pháp luật về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

- Bảo đảm tiền vay: **(i)** Khách hàng vay vốn là hộ gia đình không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay. **(ii)** Khách hàng vay vốn không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của NHCSXH.

- Nguồn vốn cho vay theo quy định tại Nghị định gồm: **(i)** Nguồn vốn từ ngân sách trung ương cấp cho NHCSXH để thực hiện; **(ii)** Nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho NHCSXH.

### ***3.2. Các quy định cụ thể của từng chính sách tín dụng***

#### ***3.2.1. Căn cứ đề xuất các chính sách tín dụng***

- Tại Báo cáo số 901/BC-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ tổng kết Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025, theo đó đã tổng kết 9 nhóm mục tiêu đặt ra còn 3 nhóm mục tiêu chưa đạt, trong đó có các mục tiêu chưa đạt về giải quyết đất ở (đạt 45,5%), hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất (đạt 14,2%), hỗ trợ chuyển đổi nghề (đạt 38,3%), đào tạo nghề (đạt 12,9%), tỷ lệ xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (35,8%), tỷ lệ thôn, bản ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (26,9%).

Trong 6 chính sách tín dụng đang ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ, có 4 chính sách tín dụng đang hỗ trợ cho các nhóm các mục tiêu chưa đạt gồm: chính sách cho vay hỗ trợ đất ở, chính sách cho vay hỗ trợ nhà ở, chính sách cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chính sách cho vay chuyển đổi nghề. Đồng thời, kết quả giải ngân theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP chủ yếu tập trung vào 04 chính sách nêu trên<sup>5</sup>, cho thấy nhu cầu vay vốn của đồng bào DTTS&MN để có đất ở, nhà ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề còn khá lớn. Mặt khác, cần nghiên cứu đề xuất bổ sung chính sách cho hộ gia đình, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN được vay vốn để thực hiện sản xuất, kinh doanh, góp phần thực hiện các mục tiêu tỷ lệ xã, thôn, bản ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn và phát triển kinh tế - xã hội của vùng DTTS&MN.

- Tại Báo cáo số 1099/BC-CP của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (kèm theo Tờ trình số 1101/TTr-CP ngày 30/11/2025 của Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Chương trình) đã đề xuất các nội dung liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện thông qua NHCSXH tại Hợp phần thứ 2 (Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) gồm:

(i) *Nhóm nội dung số 1* (Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi):

- Mở rộng đối tượng, phạm vi thụ hưởng và nâng mức cho vay chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

<sup>5</sup> 02 chính sách tín dụng còn lại là cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp theo chuỗi giá trị mới giải ngân được 01 dự án (với dư nợ đạt trên 5 tỷ đồng) và cho vay hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý chưa có kết quả giải ngân (do không có nhu cầu vay vốn/chưa có dự án).

núi.

- 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.

- Hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được vay tại NHCSXH để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở, chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở.

- Mở rộng đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội tới người dân, hộ gia đình, doanh nghiệp cư trú/hoạt động hợp pháp tại vùng DTTS&MN được vay vốn tín dụng chính sách xã hội để phát triển, nâng cao chất lượng và số lượng lao động là người dân tộc thiểu số tham gia sản xuất, kinh doanh, tạo sinh kế,... góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

(ii) *Nhóm nội dung số 2* (Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi):

- Hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề đối với hộ làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương.

3.2.2. *Căn cứ đề xuất các nội dung cụ thể (mức cho vay, lãi suất vay, thời hạn vay vốn) của từng chính sách*

Trên cơ sở rà soát 06 chính sách tín dụng ưu đãi cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ và các chính sách tín dụng ưu đãi khác đang thực hiện tại NHCSXH, NHNN thấy rằng:

- **Về mức cho vay:** Hiện nay mức cho vay tối đa phục vụ sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo đang áp dụng tối đa là 100 triệu đồng/hộ (theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP), mức cho vay giải quyết việc làm, duy trì, tạo việc làm đang áp dụng tối đa là 200 triệu đồng/lao động và 10 tỷ đồng/cơ sở sản xuất, kinh doanh (theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP). Do đó, tại dự thảo Nghị định đang quy định mức cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh tương đồng với mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (về mục đích phục vụ sản xuất, kinh doanh) và mức cho vay giải quyết việc làm đang triển khai tại NHCSXH.

- **Về lãi suất cho vay:** Hiện nay lãi suất tại NHCSXH được chia thành 2 nhóm, gồm:

- + Nhóm lãi suất dưới 6,24%/năm: gồm 4 mức lãi suất: **(i)** Mức lãi suất 3%/năm áp dụng đối với cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ, các chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (số 33/2015/QĐ-TTg, số 48/2014/QĐ-TTg); **(ii)** Mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo (đang áp dụng 3,12%/năm) đối với cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ; **(iii)** Mức lãi suất 4,8%/năm đối với cho vay học sinh, sinh viên theo học các ngành STEM (Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg); **(iv)** Mức lãi suất 5,4%/năm đối với cho vay nhà ở xã hội (Nghị định số 261/2025/NĐ-CP).

+ Nhóm lãi suất trên 6,24%/năm: được áp dụng đối với các chương trình cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và một số các chương trình tín dụng khác của NHCSXH (cho vay học sinh, sinh viên, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, cho vay giải quyết việc làm, cho vay thương nhân, hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn).

Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới: *Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác.* Tại dự thảo Nghị định tiếp tục giữ các mức lãi suất theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: **(i)** Mức lãi suất cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở: 3%/năm; **(ii)** Mức lãi suất cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo (hiện nay là 3,12%/năm); **(iii)** Mức lãi suất cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh: bằng lãi suất cho vay hộ nghèo (hiện nay là 6,24%/năm) để tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các mức lãi suất đang thực hiện theo các chương trình tín dụng chính sách khác tại NHCSXH.

- **Về thời hạn cho vay:** Tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời hạn cho vay đối với chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở tối đa là 15 năm, thời hạn cho vay đối với chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề tối đa là 10 năm. Đối với các chương trình tín dụng chính sách khác đang triển khai tại NHCSXH phần lớn đang áp dụng thời hạn cho vay tối đa là 10 năm (cho vay hộ nghèo, cho vay hộ cận nghèo, cho vay giải quyết việc làm), còn lại một số chương trình quy định thời hạn cho vay tối đa là 5 năm (cho vay hộ mới thoát nghèo), tối đa 25 năm (cho vay nhà ở xã hội).

Căn cứ rà soát thời hạn cho vay của các chương trình tín dụng tại NHCSXH, tại dự thảo Nghị định quy định thời hạn cho vay của các chính sách kế thừa theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ: **(i)** Thời hạn cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở: tối đa 15 năm; **(ii)** Thời hạn cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh: tối đa 10 năm.

### 3.2.3. Nội dung cụ thể của từng chính sách

Trên cơ sở báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình và rà soát các chính sách tín dụng đang triển khai tại NHCSXH, NHNN đề xuất nội dung cụ thể của 5 chính sách tín dụng: cho vay hỗ trợ đất ở, cho vay hỗ trợ nhà ở, cho vay hỗ trợ đất sản xuất, cho vay học nghề, chuyển đổi nghề, cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh như sau:

#### a. Chính sách cho vay hỗ trợ đất ở

- Đối tượng vay vốn bao gồm: Hộ gia đình người dân tộc thiểu số; Hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ, cư trú hợp pháp ở thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mức cho vay tối đa 100 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay tối đa là 15 năm.

- Lãi suất cho vay: 3%/năm.

b. Chính sách cho vay hỗ trợ nhà ở

- Đối tượng vay vốn bao gồm: Hộ gia đình người dân tộc thiểu số; Hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ, cư trú hợp pháp ở thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mức cho vay tối đa 100 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay tối đa là 15 năm.

- Lãi suất cho vay: 3%/năm.

c. Chính sách cho vay hỗ trợ đất sản xuất

- Đối tượng vay vốn bao gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp, cư trú hợp pháp ở thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mức cho vay tối đa 200 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay tối đa là 15 năm.

- Lãi suất cho vay: bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

d. Chính sách cho vay chuyển đổi nghề

- Đối tượng vay vốn bao gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp, cư trú hợp pháp ở thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mức cho vay tối đa: (i) Mức cho vay học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên; (ii) Mức cho vay chuyển đổi nghề tối đa 200 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay tối đa: (i) Thời hạn cho vay học nghề được áp dụng theo chính sách tín dụng học sinh, sinh viên; (ii) Thời hạn cho vay chuyển đổi nghề tối đa là 10 năm.

- Lãi suất cho vay: bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

e. Chính sách cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh

- Đối tượng vay vốn bao gồm: Hộ gia đình; Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).

- Mức cho vay tối đa: 200 triệu đồng/hộ gia đình và 10 tỷ đồng/cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Thời hạn cho vay do NHCSXH và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 10 năm.

- Lãi suất cho vay: bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

### **3.3. Trách nhiệm của các cơ quan trong tổ chức, thực hiện.**

Dự thảo Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan trong tổ chức thực hiện Nghị định, gồm: Các Bộ, ngành liên quan: NHNN, Bộ Dân tộc

và Tôn giáo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính; UBND các cấp; NHCSXH và khách hàng vay vốn.

#### **4. Đánh giá tác động thủ tục hành chính, phân cấp, ứng dụng thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

##### **4.1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính**

Tại dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính.

##### **4.2. Nội dung phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn**

Tại dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan, UBND các cấp trên cơ sở phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội; không có nội dung phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn.

### **V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH**

...

### **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**

#### **1. Nguồn lực, điều kiện bảo đảm tổ chức thi hành**

##### **1.1. Tính khả thi của nguồn vốn thực hiện chính sách:**

- Tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội quy định: Tổng ngân sách nhà nước bố trí cho Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 423.000 tỷ đồng, trong đó: Vốn tín dụng chính sách (ngân sách nhà nước cấp) khoảng 23.000 tỷ đồng. Trong quá trình điều hành, Chính phủ ưu tiên cân đối ngân sách trung ương bổ sung cho Chương trình, bao gồm vốn tín dụng chính sách xã hội để có đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Tại Điều 14 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG quy định:

+ Bố trí vốn ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối và huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thuộc phạm vi đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện tín dụng chính sách xã hội được cân đối trong tổng vốn đầu tư công ngân sách trung ương theo Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng chương trình.

+ Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định cơ chế, chính sách, quy mô bố trí ngân sách tự cân đối của địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thuộc phạm vi đầu tư, nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

- Tại Báo cáo số 1099/BC-CP của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (kèm theo Tờ trình số 1101/TTr-CP ngày 30/11/2025 của Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Chương trình) dự kiến kế hoạch bố trí nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội giai đoạn 2026-2030 như sau: (i) Năm 2026: 3.402 tỷ đồng; (ii) Năm 2027: 4.537 tỷ đồng; (iii) Năm 2028: 4.537 tỷ đồng; (iv) Năm 2029: 5.671 tỷ đồng; (v) Năm 2030: 4.537 tỷ đồng.

Căn cứ quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện chương trình MTQG, để đảm bảo khả thi nguồn vốn thực hiện chính sách, tại dự thảo Nghị định quy định cụ thể về nguồn vốn cho vay của NHCSXH bao gồm: **(i)** Nguồn vốn từ ngân sách trung ương cấp cho NHCSXH để cho vay các chính sách tín dụng tại Nghị định và **(ii)** Nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho NHCSXH.

**1.2. Nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai thực hiện chính sách:** Mô hình tổ chức hoạt động của NHCSXH mang tính đặc thù với phương thức cho vay ủy thác thông qua các tổ chức chính trị xã hội giúp huy động được sức mạnh tập thể của cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc, tham gia quản lý và vận hành hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Đến nay, NHCSXH với mạng lưới hoạt động phủ khắp toàn quốc, bao gồm: 34 chi nhánh tỉnh, thành phố, 619 Phòng giao dịch cấp huyện và trên 10 nghìn điểm giao dịch ở hầu hết các xã, phường, thị trấn trên toàn quốc, đảm bảo nguồn nhân lực triển khai, thực hiện chương trình trên toàn quốc.

Như vậy, sau khi Nghị định được ban hành, các điều kiện về nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực, mạng lưới hoạt động bảo đảm cho việc thi hành, không làm thay đổi, phát sinh thêm các chi phí, nguồn lực khác so với quy định tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội.

## **2. Thời gian trình thông qua/ban hành**

Tại Nghị quyết số Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ giao NHNN trình Chính phủ ban hành trong năm 2026, do đó, NHNN dự kiến thời gian trình ban hành Nghị định trong tháng 6/2026; Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ tháng 8/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, NHNN xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc;
- Thống đốc NHNN;
- Phó Thống đốc Nguyễn Ngọc Cảnh;
- Lưu: VP, Vụ TDCNKT (03b), NTHMen.

### **Đính kèm:**

- Hồ sơ dự thảo Nghị định.

**THỐNG ĐỐC**